

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC NĂM 2017**  
(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-HĐTD ngày 23/02/2018 của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Dự trữ Nhà nước)

**Vị trí: Chuyên viên Thanh tra**

| STT | Họ và tên đệm   | Tên    | Đơn vị dự tuyển     | Ngày, tháng, năm sinh |       |      |      |       |      | Số báo danh | Phòng thi số | Miễn thi ngoại ngữ, tin học |         | Đăng ký thi ngoại ngữ | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------|---------------------|-----------------------|-------|------|------|-------|------|-------------|--------------|-----------------------------|---------|-----------------------|-------------------|---------|
|     |                 |        |                     | Nam                   |       |      | Nữ   |       |      |             |              | Ngoại ngữ                   | Tin học |                       |                   |         |
|     |                 |        |                     | Ngày                  | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |             |              |                             |         |                       |                   |         |
| 1   | 2               | 3      | 4                   | 5                     | 6     | 7    | 8    | 9     | 10   | 11          | 12           | 13                          | 14      | 15                    | 16                | 17      |
| 1   | Lê Thị Lan      | Anh    | Cục DTNNKV Hà Nội   |                       |       |      | 20   | 11    | 1992 | 150001      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 2   | Lê Thị Minh     | Anh    | Cục DTNNKV Hà Nội   |                       |       |      | 13   | 12    | 1991 | 150002      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 3   | Nguyễn Trí      | Đức    | Cục DTNNKV Hà Nội   | 10                    | 12    | 1995 |      |       |      | 150015      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 4   | Trần Thị Thu    | Hiền   | Cục DTNNKV Hà Nội   |                       |       |      | 27   | 10    | 1991 | 150021      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 5   | Trịnh An        | Huy    | Cục DTNNKV Hà Nội   | 17                    | 10    | 1982 |      |       |      | 150024      | 15           |                             |         | Anh                   | Con TB            |         |
| 6   | Triệu Mỹ        | Lệ     | Cục DTNNKV Hà Nội   |                       |       |      | 22   | 12    | 1992 | 150030      | 15           |                             |         | Anh                   | DT Nùng           |         |
| 7   | Nguyễn Hoàng    | Nam    | Cục DTNNKV Hà Nội   | 29                    | 11    | 1987 |      |       |      | 150036      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 8   | Nguyễn Thị Thảo | Nguyên | Cục DTNNKV Hà Nội   |                       |       |      | 27   | 12    | 1994 | 150038      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 9   | Nguyễn Minh     | Nguyệt | Cục DTNNKV Hà Nội   |                       |       |      | 21   | 4     | 1994 | 150039      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 10  | Phạm Thị        | Phương | Cục DTNNKV Hà Nội   |                       |       |      | 19   | 10    | 1991 | 150044      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 11  | Ngô Hữu         | Thắng  | Cục DTNNKV Hà Nội   | 28                    | 6     | 1993 |      |       |      | 150054      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 12  | Vương Bảo       | Trung  | Cục DTNNKV Hà Nội   | 05                    | 10    | 1989 |      |       |      | 150062      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 13  | Ngô Anh         | Tuấn   | Cục DTNNKV Hà Nội   | 31                    | 5     | 1995 |      |       |      | 150065      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 14  | Nguyễn          | Tuấn   | Cục DTNNKV Hà Nội   | 16                    | 01    | 1980 |      |       |      | 150066      | 16           | x                           |         |                       |                   |         |
| 15  | Phạm Thị Thùy   | Dương  | Cục DTNNKV Bắc Thái |                       |       |      | 15   | 10    | 1993 | 150013      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 16  | Nguyễn Anh      | Đức    | Cục DTNNKV Bắc Thái | 19                    | 8     | 1990 |      |       |      | 150014      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 17  | Dương Mai       | Hương  | Cục DTNNKV Bắc Thái |                       |       |      | 10   | 12    | 1993 | 150027      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |

| STT | Họ và tên đệm   | Tên   | Đơn vị dự tuyển           | Ngày, tháng, năm sinh |       |      |      |       |      | Số báo danh | Phòng thi số | Miễn thi ngoại ngữ, tin học |         | Đăng ký thi ngoại ngữ | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------|---------------------------|-----------------------|-------|------|------|-------|------|-------------|--------------|-----------------------------|---------|-----------------------|-------------------|---------|
|     |                 |       |                           | Nam                   |       |      | Nữ   |       |      |             |              | Ngoại ngữ                   | Tin học |                       |                   |         |
|     |                 |       |                           | Ngày                  | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |             |              |                             |         |                       |                   |         |
| 1   | 2               | 3     | 4                         | 5                     | 6     | 7    | 8    | 9     | 10   | 11          | 12           | 13                          | 14      | 15                    | 16                | 17      |
| 18  | Nguyễn Thị Lan  | Hương | Cục DTNNKV Bắc Thái       |                       |       |      | 24   | 2     | 1995 | 150029      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 19  | Nguyễn Thị Sao  | Mai   | Cục DTNNKV Bắc Thái       |                       |       |      | 21   | 8     | 1993 | 150035      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 20  | Lưu Huyền       | Ngọc  | Cục DTNNKV Bắc Thái       |                       |       |      | 26   | 10    | 1992 | 150037      | 16           |                             |         | Trung Quốc            | DT Nùng           |         |
| 21  | Hoàng Kiều      | Oanh  | Cục DTNNKV Bắc Thái       |                       |       |      | 28   | 4     | 1995 | 150043      | 16           |                             |         | Anh                   | DT Tày            |         |
| 22  | Nguyễn Thị Thu  | Thảo  | Cục DTNNKV Bắc Thái       |                       |       |      | 06   | 11    | 1994 | 150053      | 16           |                             |         | Anh                   | DT Tày            |         |
| 23  | Lê Thị          | Hoài  | Cục DTNNKV Thanh Hóa      |                       |       |      | 7    | 5     | 1989 | 150022      | 15           |                             |         | Anh                   | Con TB            |         |
| 24  | Trương Hải      | Linh  | Cục DTNNKV Thanh Hóa      |                       |       |      | 23   | 12    | 1995 | 150031      | 15           |                             |         | Anh                   | DT Mường          |         |
| 25  | Nguyễn Thị      | Mai   | Cục DTNNKV Thanh Hóa      |                       |       |      | 2    | 3     | 1992 | 150034      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 26  | Nguyễn Thị Hồng | Sâm   | Cục DTNNKV Thanh Hóa      |                       |       |      | 15   | 1     | 1992 | 150047      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 27  | Vũ Kỳ           | Tân   | Cục DTNNKV Thanh Hóa      | 6                     | 8     | 1981 |      |       |      | 150049      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 28  | Nguyễn Thị      | Thùy  | Cục DTNNKV Thanh Hóa      |                       |       |      | 14   | 6     | 1990 | 150056      | 16           | x                           |         |                       | Con BB            |         |
| 29  | Nguyễn Thị Minh | Trang | Cục DTNNKV Thanh Hóa      |                       |       |      | 17   | 11    | 1991 | 150061      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 30  | Ngô Thị Nhất    | Anh   | Cục DTNNKV Bình Trị Thiên |                       |       |      | 15   | 3     | 1995 | 150003      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 31  | Võ Thị Thanh    | Bình  | Cục DTNNKV Bình Trị Thiên |                       |       |      | 12   | 9     | 1994 | 150007      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 32  | Nguyễn Thảo     | Dung  | Cục DTNNKV Bình Trị Thiên |                       |       |      | 17   | 11    | 1995 | 150008      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 33  | Trần Thị        | Duyên | Cục DTNNKV Bình Trị Thiên |                       |       |      | 15   | 7     | 1989 | 150010      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 34  | Trương Thị Mỹ   | Hạnh  | Cục DTNNKV Bình Trị Thiên |                       |       |      | 16   | 4     | 1993 | 150020      | 15           | x                           |         |                       |                   |         |
| 35  | Đỗ Quốc         | Huân  | Cục DTNNKV Bình Trị Thiên | 11                    | 3     | 1995 |      |       |      | 150023      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 36  | Nguyễn Thanh    | Huyền | Cục DTNNKV Bình Trị Thiên |                       |       |      | 15   | 4     | 1995 | 150025      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 37  | Phan Thị Minh   | Huyền | Cục DTNNKV Bình Trị Thiên |                       |       |      | 21   | 8     | 1988 | 150026      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 38  | Nguyễn Thị      | Hương | Cục DTNNKV Bình Trị Thiên |                       |       |      | 25   | 02    | 1985 | 150028      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 39  | Nguyễn Hồng     | Loan  | Cục DTNNKV Bình Trị Thiên |                       |       |      | 26   | 7     | 1994 | 150032      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |

| STT | Họ và tên đệm     | Tên   | Đơn vị dự tuyển           | Ngày, tháng, năm sinh |       |      |      |       |      | Số báo danh | Phòng thi số | Miễn thi ngoại ngữ, tin học |         | Đăng ký thi ngoại ngữ | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------|---------------------------|-----------------------|-------|------|------|-------|------|-------------|--------------|-----------------------------|---------|-----------------------|-------------------|---------|
|     |                   |       |                           | Nam                   |       |      | Nữ   |       |      |             |              | Ngoại ngữ                   | Tin học |                       |                   |         |
|     |                   |       |                           | Ngày                  | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |             |              |                             |         |                       |                   |         |
| 1   | 2                 | 3     | 4                         | 5                     | 6     | 7    | 8    | 9     | 10   | 11          | 12           | 13                          | 14      | 15                    | 16                | 17      |
| 40  | Nguyễn Trịnh      | Thủy  | Cục DTNNKV Bình Trị Thiên |                       |       |      | 27   | 02    | 1987 | 150057      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 41  | Trần Thị Thanh    | Tĩnh  | Cục DTNNKV Bình Trị Thiên |                       |       |      | 22   | 7     | 1994 | 150059      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 42  | Trương Hoàng      | Tú    | Cục DTNNKV Bình Trị Thiên | 09                    | 3     | 1978 |      |       |      | 150064      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 43  | Nguyễn Thị Thanh  | Hải   | Cục DTNNKV Đà Nẵng        |                       |       |      | 11   | 12    | 1986 | 150018      | 15           |                             |         | Anh                   | Con TB            |         |
| 44  | Tạ Thị Kim        | Luyến | Cục DTNNKV Đà Nẵng        |                       |       |      | 24   | 9     | 1991 | 150033      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 45  | Lê Trung Minh     | Quân  | Cục DTNNKV Đà Nẵng        | 26                    | 12    | 1989 |      |       |      | 150045      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 46  | Nguyễn Thị Thanh  | Thảo  | Cục DTNNKV Đà Nẵng        |                       |       |      | 4    | 1     | 1986 | 150052      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 47  | Đặng Thị Bích     | Thuận | Cục DTNNKV Đà Nẵng        |                       |       |      | 17   | 11    | 1991 | 150055      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 48  | Phạm Nguyễn Hoàng | Tiên  | Cục DTNNKV Đà Nẵng        |                       |       |      | 16   | 4     | 1995 | 150058      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 49  | Lê Huyền          | Trang | Cục DTNNKV Đà Nẵng        |                       |       |      | 14   | 11    | 1992 | 150060      | 16           |                             |         | Anh                   | Con HCSNTB        |         |
| 50  | Lê Thị Hồng       | Ánh   | Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên |                       |       |      | 29   | 10    | 1994 | 150005      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 51  | Tạ Thị Ngọc       | Ánh   | Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên |                       |       |      | 5    | 7     | 1991 | 150006      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 52  | Dương Thị Thanh   | Duyên | Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên |                       |       |      | 23   | 05    | 1988 | 150009      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 53  | Hồ Hoàng          | Dương | Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên | 27                    | 10    | 1991 |      |       |      | 150011      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 54  | Hồ Thị Vĩ         | Hà    | Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên |                       |       |      | 20   | 01    | 1991 | 150016      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 55  | Trần Thanh        | Hà    | Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên | 20                    | 12    | 1990 |      |       |      | 150017      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 56  | Hồ Thị Mỹ         | Hạnh  | Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên |                       |       |      | 14   | 12    | 1989 | 150019      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 57  | Tạ Công           | Nhân  | Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên | 20                    | 03    | 1992 |      |       |      | 150040      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 58  | Nguyễn Cao Hồng   | Nhi   | Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên |                       |       |      | 27   | 12    | 1992 | 150041      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 59  | Trần Thị          | Nhị   | Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên |                       |       |      | 20   | 03    | 1993 | 150042      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 60  | Chu Thị Hồng      | Quyên | Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên |                       |       |      | 22   | 02    | 1994 | 150046      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 61  | Nguyễn Mai Thanh  | Tâm   | Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên |                       |       |      | 15   | 12    | 1994 | 150048      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 62  | Trần Thị Minh     | Thành | Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên |                       |       |      | 08   | 02    | 1993 | 150050      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |

| STT | Họ và tên đệm   | Tên    | Đơn vị dự tuyển           | Ngày, tháng, năm sinh |       |      |      |       |      | Số báo danh | Phòng thi số | Miễn thi ngoại ngữ, tin học |         | Đăng ký thi ngoại ngữ | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------|---------------------------|-----------------------|-------|------|------|-------|------|-------------|--------------|-----------------------------|---------|-----------------------|-------------------|---------|
|     |                 |        |                           | Nam                   |       |      | Nữ   |       |      |             |              | Ngoại ngữ                   | Tin học |                       |                   |         |
|     |                 |        |                           | Ngày                  | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |             |              |                             |         |                       |                   |         |
| 1   | 2               | 3      | 4                         | 5                     | 6     | 7    | 8    | 9     | 10   | 11          | 12           | 13                          | 14      | 15                    | 16                | 17      |
| 63  | Nguyễn Thị      | Thảo   | Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên |                       |       |      | 06   | 01    | 1990 | 150051      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 64  | Vũ Phương       | Anh    | Cục DTNNKV TP. HCM        |                       |       |      | 25   | 07    | 1993 | 150004      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 65  | Nguyễn Thị Thùy | Dương  | Cục DTNNKV TP. HCM        |                       |       |      | 10   | 04    | 1993 | 150012      | 15           |                             |         | Anh                   |                   |         |
| 66  | Trần Tấn        | Trường | Cục DTNNKV TP. HCM        | 05                    | 05    | 1992 |      |       |      | 150063      | 16           |                             |         | Anh                   |                   |         |

